TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 253/2022/QĐST-HNGĐ	*Thủ Dầu Một, ngày 25 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 263/2022/TLST-VDS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Nguyễn Văn Bé B, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 07/8, đường P, tổ 2, khu phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Trần Thị Thúy K, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: Số 07/8, đường P, tổ 2, khu phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: Số nhà 4, ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Bé B và bà Trần Thị Thúy K tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND phường Phú Lợi, thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương vào năm 2005. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà K là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuy nhiên, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm; hai bên đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay, ông B và bà K nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Việc hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn Bé B và bà Trần Thị Thúy K thống nhất sau khi ly hôn bà K sẽ trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 13/02/2006 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 29/8/2009.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án công nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn Bé B và bà Trần Thị Thúy K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí sơ thẩm: Ông B và bà K thống nhất mỗi người chịu 150.000 đồng, phù hợp với quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Bé B và bà Trần Thị Thúy K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Trần Thị Thúy K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 13/02/2006 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 29/8/2009.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn Bé B và bà Trần Thị Thúy K mỗi người nộp 150.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001999 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được Bn hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy Sinh